

## KĨ NĂNG XÃ HỘI CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nhận bài:  
22 -12 - 2018

Chấp nhận đăng:  
10 - 03 - 2019

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Lê Mỹ Dung<sup>a\*</sup>, Lê Thị Linh Phương<sup>a</sup>, Đặng Nguyễn Thanh Tâm<sup>a</sup>

**Tóm tắt:** Con người là một thực thể xã hội, là một thành viên của một cộng đồng, một xã hội nhất định; do đó kĩ năng thích ứng xã hội là quan trọng và vô cùng cần thiết đối với mỗi người. Đặc biệt, trong giai đoạn dậy thì có những biến đổi mạnh mẽ về thể chất và tâm lí, học sinh trung học cơ sở rất cần được giáo dục các kĩ năng xã hội. Nghiên cứu được thực hiện trên 280 học sinh trung học cơ sở ở thành phố Đà Nẵng, bằng phương pháp trắc nghiệm (phương pháp chính) nhằm đánh giá thực trạng kĩ năng xã hội và những yếu tố ảnh hưởng đến kĩ năng này ở học sinh. Kết quả khảo sát cho thấy kĩ năng xã hội cho lứa tuổi học sinh trung học cơ sở ở mức trung bình, tập trung vào bốn kĩ năng cơ bản như sau: kĩ năng hợp tác, kĩ năng tự khẳng định, kĩ năng đồng cảm và kĩ năng tự chủ. Đề tài đề xuất các biện pháp nâng cao kĩ năng xã hội cho học sinh trung học cơ sở theo hướng chú trọng rèn luyện các kĩ năng thành phần trong chương trình học tập, đồng thời cần có sự phối hợp tích cực của gia đình học sinh.

**Từ khóa:** kĩ năng; kĩ năng xã hội; học sinh trung học cơ sở.

### 1. Giới thiệu

Theo Gresham và Elliot (1990), khái niệm kĩ năng xã hội (Social Skills) là những mẫu ứng xử tập nhiệm hay học được, được chấp nhận về mặt xã hội, giúp một cá nhân có thể quyết định hành động và ứng xử một cách có hiệu quả với người khác, đồng thời giúp người đó nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh, tránh được những phản ứng không được chấp nhận trong xã hội. Đây là kĩ năng vô cùng cần thiết cho hoạt động sống và thích ứng xã hội của mỗi học sinh, đồng thời góp phần phát triển và hoàn thiện nhân cách mỗi cá nhân.

Ronald E. Riggio (1986) nhận thấy, các kĩ năng xã hội cơ bản thực sự có liên quan đến hiệu quả xã hội, chúng giúp những cá nhân sẽ thành công hơn trong các tương tác xã hội. Tác giả nghiên cứu bốn kĩ năng xã hội cơ bản là: biểu cảm cảm xúc, nhạy cảm cảm xúc, biểu cảm xã hội và nhạy cảm xã hội.

John W. Maag (1991) đưa ra quan điểm về đào tạo kĩ năng xã hội là một thành phần không thể thiếu trong

chương trình giảng dạy của trường. Đào tạo kĩ năng xã hội được thực hiện với nhiều trẻ em ở nhiều môi trường khác nhau bao gồm bệnh viện hoặc phòng khám, cơ sở cải huấn và trường học. Các nhà tâm lí học ở trường thường đóng vai trò là nhà tư vấn cho các giáo viên. Nhiều quan điểm của các nhà giáo dục đối với hành vi xã hội cản trở việc khái quát hóa, và các chiến lược hợp tác được coi là chiến thuật để khắc phục vấn đề này. Theo tác giả, cơ sở lí luận để kết hợp các chiến lược đào tạo kĩ năng xã hội phát triển từ lí thuyết học tập xã hội của Bandura.

Theo Vũ Dũng (2015), kĩ năng là “năng lực vận dụng có kết quả tri thức về phương thức hành động đã được chủ thể lĩnh hội để thực hiện những nhiệm vụ tương ứng”. Vì vậy, khi xem xét kĩ năng không chỉ phân tích về mặt kĩ thuật của hành động mà còn là xem xét năng lực trí tuệ, năng lực hành động kết quả.

Học sinh trung học cơ sở (THCS) gồm các em lứa tuổi khoảng từ 12, 13 đến 15, 16 tuổi. Khoa học gọi đây là lứa tuổi thiếu niên. Thiếu niên bước vào thời kì dậy thì với những biến đổi mạnh mẽ về thể chất và tâm lí làm cho trẻ ý thức rằng “mình không còn là trẻ con nữa”.

Nguyễn Công Khanh (2005) cho rằng: “Theo các công trình nghiên cứu ở nước ngoài và một số nghiên cứu

<sup>a</sup>Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

\* Tác giả liên hệ

Lê Mỹ Dung

Email: lmdung@ued.udn.vn

dịch tễ học trong nước thì có khoảng 10% - 20% trẻ em trong lứa tuổi trung học cơ sở và trung học phổ thông có rối nhiễu hành vi và có khó khăn học đường. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là do kém thích nghi học đường mà trước hết là thiếu hụt kỹ năng xã hội”.

Qua quá trình phân tích trên, chúng tôi đưa ra khái niệm “Kỹ năng xã hội (KNXH) của học sinh trung học cơ sở là những mẫu ứng xử tập nhiệm hay học được, được chấp nhận về mặt xã hội, giúp học sinh có thể quyết định hành động và ứng xử một cách có hiệu quả với người khác, đồng thời giúp học sinh nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh, tránh được những phản ứng không được chấp nhận trong xã hội.”

Kỹ năng xã hội có vai trò xác định được vị trí của học sinh trong xã hội và nhận ra được những yêu cầu của xã hội đối với mỗi cá nhân để từ đó phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành. Kỹ năng xã hội của học sinh là một biểu hiện của chất lượng giáo dục. Một nền giáo dục chất lượng sẽ trang bị được cho người học khả năng ứng xử có hiệu quả với người khác, giúp người học thích nghi được với hoàn cảnh và tránh được những hậu quả xã hội tiêu cực. Hình thành và phát triển kỹ năng xã hội cho học sinh cho học sinh là giúp học sinh rèn luyện và thực thi các nghĩa vụ và quyền lợi học tập một cách hiệu quả và khả thi nhất. Kỹ năng xã hội góp phần thúc đẩy sự phát triển cá nhân và xã hội, ngăn ngừa các vấn đề xã hội, bạo lực học đường, bảo vệ sức khỏe và bảo vệ quyền con người, phát huy tối đa tiềm năng cá nhân trong mỗi học sinh.

Nhóm kỹ năng xã hội cho lứa tuổi học sinh trung học cơ sở được chúng tôi tiến hành nghiên cứu trong đề tài này bao gồm:

- Kỹ năng hợp tác (Cooperation): Là những hành vi giúp đỡ người khác, chia sẻ tài liệu, tuân thủ cam kết hoặc cùng chung sức hoàn thành một công việc, cùng phối hợp hành động trong một lĩnh vực nào đó nhằm một mục đích chung.

- Kỹ năng tự khẳng định (Assertion): Là những hành vi chủ động đề nghị người khác cung cấp thông tin, tự giới thiệu về mình, kiên định khi bị người khác gây sức ép, bảo vệ một cách tích cực chủ kiến, quan điểm của mình trước mọi người.

- Kỹ năng đồng cảm (Empathy): Là sự quan tâm, trân trọng tình cảm, ý kiến của người khác, mong muốn được chia sẻ với họ, đồng thời thấu hiểu những khó

khăn riêng và biết cách chia sẻ tâm tư, tình cảm với người khác.

- Kỹ năng tự chủ - tự kiểm soát (Self - control): Là hành vi biết kiềm chế trong các tình huống xung đột, biết cách kiềm chế xúc cảm hoặc biết tự làm chủ tình cảm của mình và không để những nhu cầu mong muốn, hoàn cảnh hoặc người khác chi phối.

➤ Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng xã hội của học sinh THCS:

- Yếu tố chủ quan: sức khỏe thể chất, trình độ nhận thức, đặc điểm về giới tính, kiểu nhân cách, khí chất và sự tích cực tham gia các hoạt động xã hội của cá nhân.

- Yếu tố khách quan: nhóm yếu tố gia đình (hoàn cảnh, sự giáo dục và cách ứng xử, hành vi của bố mẹ) và nhóm yếu tố nhà trường (mục tiêu, chương trình giáo dục, cách ứng xử của thầy cô và các hoạt động tập thể).

Bài viết tập trung trình bày thực trạng kỹ năng xã hội của học sinh THCS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và những yếu tố tác động đến thực trạng này.

## 2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu này tiến hành khảo sát trên 280 học sinh các lớp 6,7,8 và 9 học tại 2 trường THCS Nguyễn Lương Bằng (NLB) và THCS Lý Thường Kiệt (LTK) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Mẫu nghiên cứu được lấy theo mẫu ngẫu nhiên. Sự phân bố đối với khách thể là học sinh được biểu hiện ở bảng sau:

**Bảng 1. Phân bố khách thể nghiên cứu**

Tiêu chí	Trường		Khối				Học lực				Giới tính	
	LTK	NLB	6	7	8	9	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi	Nam	Nữ
Số lượng	133	147	74	74	70	62	15	71	114	80	122	158
%	47.5	52.5	26.4	26.4	25.0	22.2	5.4	25.4	40.6	28.6	43.6	56.4
Tổng	280		280				280				280	

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng phương pháp trắc nghiệm, với công cụ là *Hệ thống đo lường kỹ năng xã hội “Social Skills Rating System”* (SSRS) của Gresham, F.M. & Elliot, S.N. - 1990.

SSRS là công cụ đánh giá KNXH đầu tiên cung cấp các tiêu chí dựa trên một mẫu rộng mang tính quốc gia,

được chuẩn hóa áp dụng đối với trẻ em nam và nữ từ 3 đến 18 tuổi cũng như với các học sinh khuyết tật. SSRS áp dụng với phạm vi lứa tuổi rộng hơn nhiều so với các công cụ khác. SSRS là công cụ đầu tiên áp dụng hệ thống nhiều thang đo hành vi (giáo viên, phụ huynh, học sinh) tập trung vào kỹ năng xã hội của học sinh. Hệ thống này cung cấp một cách tiếp cận, đánh giá những hành vi xã hội của học sinh có ảnh hưởng bởi những mối quan hệ thầy trò, sự thừa nhận của bạn bè và hoạt động của cá nhân học sinh.

Thang đánh giá này đã được tác giả Nguyễn Công Khanh Việt hóa vào năm 2004 (Viện Khoa học giáo dục, 2006). Trắc nghiệm đánh giá kỹ năng xã hội của học sinh thông qua các kỹ năng thành phần: (1) Kỹ năng hợp tác; (2) Kỹ năng tự khẳng định; (3) Kỹ năng đồng cảm; (4) Kỹ năng tự chủ. Ý kiến đánh giá của học sinh ở mỗi kỹ năng thành phần theo 2 khía cạnh là nhận thức về mức độ quan trọng và mức độ thực hiện hành vi. Nhận thức về mức độ quan trọng gồm 3 mức: ① - Không quan trọng, ② - Quan trọng, ③ - Rất quan trọng. Mức độ thực hiện hành vi chia làm 3 mức: ① - Chưa bao giờ, ② - Đôi khi, ③ - Thường xuyên.

Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng hệ thống các phương pháp khác, gồm: phương pháp nghiên cứu tài liệu, điều tra bằng bảng hỏi, quan sát, phỏng vấn và thống kê toán học. Tất cả số liệu sau khi đã thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Đánh giá chung về kỹ năng xã hội của học sinh trung học cơ sở

Kết quả nghiên cứu kỹ năng xã hội của học sinh THCS như sau: Phần lớn học sinh THCS (chiếm 67,8%) có kỹ năng xã hội nằm ở mức độ trung bình, 16,1% học sinh có KNXH ở mức độ cao, bên cạnh đó vẫn còn 16,1% học sinh có KNXH ở mức độ thấp.

**Bảng 2.** Thực trạng các kỹ năng thành phần của học sinh trung học cơ sở (N=280)

Kỹ năng thành phần	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ	Thứ bậc
Kỹ năng hợp tác	2.37	0.28	Trung bình	1
Kỹ năng tự khẳng định	2.16	0.31	Trung bình	3
Kỹ năng đồng cảm	2.24	0.29	Trung bình	2
Kỹ năng tự chủ	2.15	0.29	Trung bình	4
Kỹ năng xã hội	2.23	0.24	Trung bình	

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ kỹ năng thành phần của học sinh THCS khá đồng đều, điểm trung bình không quá khác biệt giữa các kỹ năng (điểm  $\bar{X}$  dao động từ 2,15 đến 2,37). Có thể thấy, trong các kỹ năng thành phần thì học sinh THCS có kỹ năng hợp tác tốt nhất ( $\bar{X}=2,37$ ). Qua quan sát, nhận thấy các em học sinh THCS có các biểu hiện hợp tác như: giúp bạn đỡ rác, nhiệt tình giúp giáo sinh thực tập làm các bài trắc nghiệm, nghe lời thầy cô giáo... Bởi vì trong thực tế, kỹ năng hợp tác được lồng ghép và luyện tập trong các môn học trên lớp, đồng thời các em học sinh cũng thường xuyên được cha mẹ, người thân nhắc nhở, nên các em thường xuyên được rèn luyện và ý thức về việc cần phải hợp tác, giúp đỡ người khác.

Điểm trung bình của kỹ năng đồng cảm đứng ở vị trí thứ hai ( $\bar{X}=2,24$ ). Ở lứa tuổi học sinh THCS, tình cảm của các em đã phát triển phong phú và sâu sắc hơn những lứa tuổi trước, vì thế khả năng đồng cảm của các em cũng tốt hơn. Thông qua quan sát, nhận thấy học sinh trật tự và ngoan ngoãn hơn bình thường khi thấy cô giáo chủ nhiệm đang mệt mỏi vì đau răng, biết để ý món quà mà bạn thân yêu thích để tặng vào ngày sinh nhật,...

Kỹ năng tự khẳng định xếp thứ ba ( $\bar{X}=2,16$ ) và mức độ kỹ năng này không đồng đều ở các học sinh. Một số học sinh THCS có kỹ năng tự khẳng định ở mức độ cao. Những học sinh này có thể phát biểu tự tin đứng trước lớp chúc mừng cô giáo và các bạn nữ nhân ngày 8/3; mời các cô giáo sinh thực tập tham dự hội trại; giao tiếp với thầy cô và bạn bè một cách tự nhiên, cởi mở; tích cực tham gia các hoạt động của trường tổ chức (thi nhảy dân vũ, hội trại...). Bên những em học sinh tự tin, có kỹ năng tự khẳng định ở mức cao thì vẫn tồn tại nhiều

học sinh thiếu kĩ năng này. Các em này tỏ ra rụt rè, nhút nhát khi nói chuyện với người khác, không thích và thường không tham gia các hoạt động tập thể.

Học sinh THCS có mức độ thực hiện kĩ năng tự chủ thấp nhất trong bốn kĩ năng thành phần ( $\bar{X} = 2,15$ ). Các em thường tỏ ra khó chịu, có các phản ứng tiêu cực với việc bị trêu chọc, thường mất bình tĩnh khi bị la mắng, trong mối quan hệ với bạn bè thường xảy ra mâu thuẫn và không biết tìm cách giải quyết. Nguyên nhân của hiện tượng này ở học sinh THCS quá trình hưng phấn còn mạnh hơn ức chế, vỏ não chưa đủ sức thường xuyên điều chỉnh hoạt động của bộ phận dưới vỏ não (Trung tâm nghiên cứu tâm lí học- sinh lí học lứa tuổi, 2006). Tuy nhiên, vẫn có một số học sinh có kĩ năng tự chủ tốt: tập trung trong giờ học dù các bạn khác pha trò, không câu giậm khi bị la mắng và xem chuyện bị trêu chọc là bình thường.

### 3.2. Đánh giá kĩ năng thành phần của kĩ năng xã hội

Thực trạng KNXH của học sinh THCS được biểu hiện cụ thể qua các kĩ năng thành phần như sau:

#### 3.2.1. Kĩ năng hợp tác

Kĩ năng hợp tác là hành vi giúp đỡ người khác, tuân thủ, cam kết hoặc cùng chung sức hoàn thành một công việc cùng phối hợp hành động trong một lĩnh vực nào đó nhằm một mục đích chung. Học sinh có kĩ năng hợp tác tốt không chỉ dễ dàng hoàn thành tốt công việc, dễ dàng vượt qua các khó khăn hơn mà còn giúp các em sống tự tin, hài hòa, gần gũi với thầy cô, bạn bè và mọi người xung quanh. Từ đó, tạo ra những cơ hội lớn cho các em trong học tập và cuộc sống.

Bảng 3 tổng hợp mức độ thực hiện kĩ năng hợp tác của học sinh THCS. Trong đó, xếp thứ nhất là biểu hiện “chú ý lắng nghe khi người lớn nói chuyện với em” ( $\bar{X} = 2,71$ ). Thông qua quan sát và dự giờ một số tiết sinh hoạt của lớp 6/3 (Trường THCS Nguyễn Lương Bằng), chúng tôi nhận thấy đa số các em học sinh (từ các em học sinh ngoan ngoãn đến những em khá nghịch ngợm, quậy phá) đều chú ý, lắng nghe và trả lời nhiệt tình khi có thầy cô hoặc người lớn nói chuyện với các em.

**Bảng 3.** Mức độ thực hiện kĩ năng hợp tác của học sinh trung học cơ sở ( $N = 280$ )

STT	Biểu hiện	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Em chú ý lắng nghe khi người lớn nói chuyện với em	2.71	0.47	1
2	Em xin phép trước khi sử dụng đồ đạc của người khác	2.53	0.57	3
3	Em tránh làm những việc có thể khiến người lớn tức giận	2.20	0.69	9
4	Em hoàn thành các bài tập về nhà đúng hạn	2.40	0.62	4
5	Em giữ bàn học của mình gọn gàng và ngăn nắp	2.36	0.66	6
6	Em hoàn thành đầy đủ bài tập trên lớp	2.39	0.63	5
7	Em sử dụng thời gian rảnh để chơi đùa cùng bạn bè	2.20	0.62	8
8	Em nghe lời thầy cô giáo	2.63	0.53	2
9	Khi tranh luận với các bạn trong lớp, em cố gắng nói chuyện nhẹ nhàng	2.19	0.62	10
10	Khi cần thiết, em chủ động đề nghị các bạn giúp đỡ mình	2.27	0.62	7

① - Chưa bao giờ, ② - Đôi khi, ③ - Thường xuyên

Hành vi hợp tác được các em học sinh thường xuyên thực hiện ở mức độ thứ hai là “nghe lời thầy cô giáo” ( $\bar{X} = 2,63$ ). Trong giờ sinh hoạt của lớp 6/3, có nhiều em học sinh không hài lòng về cách đối xử của cô giáo (bị cô xếp cho ngồi cùng bạn mà mình không thích) nhưng các em vẫn làm theo lời cô. Nguyên nhân của biểu hiện này là do từ nhỏ, học sinh đã luôn được giáo dục sự lễ phép, ngoan ngoãn và biết vâng lời thầy cô.

Hành vi hợp tác mà các em học sinh ít thực hiện nhất là cố gắng nói chuyện nhẹ nhàng khi tranh luận với các bạn trong lớp ( $\bar{X} = 2,19$ ). Thông qua quan sát, chúng tôi nhận thấy trong các tình huống tranh luận, đa số học sinh thường hét to, tỏ vẻ không hài lòng, tranh luận gay gắt để bảo vệ ý kiến của mình. Chỉ có một số ít học sinh nói chuyện một cách nhẹ nhàng khi tranh luận.

#### 3.2.2 Kĩ năng tự khẳng định



Kĩ năng tự khẳng định là những hành vi chủ động đề nghị người khác cung cấp thông tin, tự giới thiệu về mình, kiên định khi bị người khác gây sức ép, bảo vệ một cách tích cực chủ kiến, quan điểm của mình trước mọi người. Một học sinh có kĩ năng tự khẳng định ở mức độ cao sẽ tự tin khi nói chuyện với người khác, chủ động trong các mối quan hệ, tham gia tích cực các hoạt động của nhà trường đề và dám đưa ra ý kiến của mình trước tập thể.

Trong kĩ năng tự khẳng định, học sinh THCS thường xuyên thực hiện nhất là việc chủ động bắt chuyện với các bạn trong lớp ( $\bar{X}=2.37$ ) và kết bạn dễ dàng ( $\bar{X}=2.36$ ). Ở lứa tuổi này, nhu cầu giao tiếp với bạn ngang hàng của các em phát triển mạnh. Nếu học sinh tiêu học giao tiếp với bạn chỉ để thỏa mãn nhu cầu học tập thì học sinh THCS giao tiếp với bạn đã trở thành nhu cầu cấp thiết. Vì các em có xu hướng muốn tách khỏi người lớn, muốn có sự độc lập nhất định với người lớn, do trong quan hệ với người lớn các em ít được bình đẳng. Đây là lứa tuổi khao khát tìm một vị trí ở bạn bè, ở tập thể, muốn được sự công nhận của bạn bè.

Những hành vi của kĩ năng tự khẳng định có điểm trung bình thấp nhất là bắt chuyện với bạn khác giới một cách tự nhiên ( $\bar{X}=2.12$ ), cảm thấy việc quan tâm đến các bạn khác giới là bình thường ( $\bar{X}=2.01$ ), biết cách khen ngợi những người bạn khác giới ( $\bar{X}=1.96$ ). Như vậy, có thể thấy những biểu hiện kĩ năng xã hội của học sinh THCS có mức độ thực hiện ít nhất đều liên quan đến bạn khác giới. Các em thường cảm thấy ngại ngùng, bối rối, thiếu tự nhiên khi giao tiếp với bạn khác giới. Nguyên nhân của hiện tượng này là do sự dậy thì đã kích thích học sinh THCS quan tâm đến bạn khác giới, bên cạnh đó tự ý thức phát triển giúp thiếu niên nhận ra đặc điểm giới tính của mình. Ở các em đã xuất hiện những rung động, những cảm xúc mới lạ với bạn khác giới. Tuy nhiên ở đầu lứa tuổi thiếu niên, việc giao tiếp với bạn khác giới của các em lại có sự mâu thuẫn giữa ý muốn, nhu cầu với hành vi thể hiện (Có nhu cầu giao tiếp với bạn khác giới nhưng lại che giấu ý muốn của mình bằng các hành vi không tương ứng).

**Bảng 4.** Mức độ thực hiện kĩ năng tự khẳng định của học sinh trung học cơ sở ( $N=280$ )

STT	Biểu hiện	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Em kết bạn dễ dàng	2.36	0.53	2
2	Em nhờ người lớn giúp đỡ khi em gặp khó khăn	2.27	0.51	4
3	Em nói chuyện một cách tự tin	2.16	0.61	5
4	Em tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường	2.32	0.61	3
5	Em chủ động bắt chuyện với người em thích	2.15	0.73	6
6	Em biết cách khen ngợi những người bạn khác giới	1.96	0.67	10
7	Em bắt chuyện với bạn khác giới một cách tự nhiên	2.12	0.70	8
8	Em chủ động mời người khác tham gia vào các hoạt động chung	2.14	0.70	7
9	Em không cảm thấy bối rối hay xấu hổ khi quan tâm đến những người bạn khác giới	2.01	0.71	9
10	Em chủ động bắt chuyện với các bạn trong lớp	2.37	0.62	1

① - Chưa bao giờ, ② - Đôi khi, ③ - Thường xuyên

### 3.2.3 Kĩ năng đồng cảm

Dù là trong quan hệ cá nhân hay trong công việc thì vai trò kĩ năng xã hội đối với thành công của mỗi cá nhân cũng đều được đánh giá là vô cùng quan trọng. Trong đó, đồng cảm là một trong những kĩ năng quan trọng nhất mà một cá nhân phải có để làm việc và giao tiếp hiệu quả hơn. Một học sinh có kĩ năng đồng cảm ở mức độ cao sẽ được mọi người xung quanh yêu mến, ít gặp mâu thuẫn trong các mối quan hệ, có khả năng thuyết phục người khác và hiểu rõ nhu cầu của mọi người xung quanh...

Bảng 5 tổng hợp mức độ thực hiện kĩ năng đồng cảm của học sinh THCS. Trong đó, đứng đầu là những biểu hiện như: bênh vực cho bạn bè của mình khi họ bị đối xử không công bằng ( $\bar{X}=2.53$ ), tích cực lắng nghe bạn bè tâm sự khi họ gặp rắc rối, khó khăn ( $\bar{X}=2.50$ ). Tiếp theo là những hành vi như khen ngợi bạn bè của mình khi họ làm tốt việc gì đó hoặc mỉm cười, vẫy tay hoặc gật đầu chào mọi người cũng được các em thực hiện thường xuyên. Các em thể hiện sự quan tâm của mình đối với bạn bè và thầy cô một cách tự nhiên và

thường xuyên. Chẳng hạn, thấy cô giáo chủ nhiệm của mình có vẻ mệt mỏi, buồn bã thì các em sẽ trật tự và ngoan ngoãn hơn bình thường. Hoặc khi có đồ ăn ngon thì các em rất nhiệt tình mời các thầy cô giáo thực tập ăn cùng mình...

**Bảng 5. Mức độ thực hiện kỹ năng đồng cảm của học sinh trung học cơ sở (N= 280)**

TT	Biểu hiện	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Em khen ngợi bạn bè của mình khi họ làm tốt việc gì đó	2.30	0.57	4
2	Em cố gắng hiểu những cảm xúc của bạn bè mình	2.29	0.66	5
3	Em nhờ bạn bè giúp đỡ khi em gặp khó khăn	2.22	0.54	6
4	Em cảm thấy buồn khi biết bạn bè của mình gặp điều không may	2.21	0.60	7
5	Em tích cực lắng nghe bạn bè tâm sự khi họ gặp rắc rối, khó khăn	2.49	0.61	2
6	Em chủ động hỏi han người khác khi họ làm tốt một điều gì đó	2.15	0.62	8
7	Em mỉm cười, vẫy tay hoặc gật đầu chào mọi người	2.42	0.64	3
8	Nếu em quý mến ai, em sẽ nói ra hoặc biểu lộ để họ biết	1.95	0.71	10
9	Em bênh vực cho bạn bè của mình khi họ bị đối xử không công bằng	2.50	0.63	1
10	Em dàn hòa cho các bạn trong nhóm hoặc lớp khi có tranh luận hoặc cãi vã	2.14	0.66	9

① - Chưa bao giờ, ② - Đôi khi, ③ - Thường xuyên

Tuy nhiên, theo sự đánh giá của học sinh, biểu hiện giảng hòa cho các bạn trong lớp khi có tranh luận hoặc cãi vã được thực hiện ít hơn các hành vi khác ( $\bar{X} = 2.00$ ); bởi vì nhiều em cho rằng đó không phải là việc của mình. Bên cạnh đó, việc nói hoặc biểu lộ ra khi các em quý mến ai đó cũng là hành vi các em ít thực hiện ( $\bar{X} = 2.00$ ). Như vậy học sinh THCS đã biết quan tâm đến người khác nhưng lại ngại ngần khi phải bày tỏ tình cảm của mình bằng lời nói. Nguyên nhân của hiện tượng này là do đặc điểm của người Việt: Ít khi nói lời yêu thương, bày tỏ tình cảm với người khác, kể cả trong gia đình.

### 3.2.4. Kỹ năng tự chủ

Do các quá trình hưng phấn mạnh, chiếm ưu thế và các quá trình ức chế có điều kiện bị suy giảm, nên học

sinh THCS thường không làm chủ được cảm xúc, không kiềm chế được trước xúc động mạnh. Đây là lí do dẫn đến kĩ năng tự chủ của học sinh THCS còn chưa tốt. Điều này thể hiện rõ ở việc điểm trung bình kĩ năng tự chủ của học sinh THCS là thấp nhất trong bốn kĩ năng thành phần và những biểu hiện như không để ý đến những bạn hay làm trò cười ở trong lớp ( $\bar{X} = 1.87$ ), giữ bình tĩnh khi bạn bè nổi cáu với mình ( $\bar{X} = 2.00$ ). có khá ít học sinh thực hiện được. Qua quan sát có thể dễ dàng thấy, các em học sinh THCS rất dễ bị mất tập trung khi trong lớp có bạn pha trò hài hước, hay khi có mâu thuẫn với bạn bè thì các em thường rất bức bối và cáu kỉnh. Tuy nhiên, sự thiếu kĩ năng tự chủ này không đồng đều ở tất cả các học sinh, những em học sinh lớp 9 thì có khả năng giữ bình tĩnh và tập trung tốt hơn các em học sinh ở các lớp dưới (6,7,8).

**Bảng 6. Mức độ thực hiện kỹ năng tự chủ của học sinh trung học cơ sở (N= 280)**

TT	Biểu hiện	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Em không tức giận, bức bối khi bị bạn bè trêu chọc	1.99	0.60	9
2	Em không cố tranh cãi hay gây sự khi có bất đồng, mâu thuẫn với người lớn	2.02	0.68	8
3	Em tránh làm những việc có thể khiến người lớn tức giận	2.20	0.69	2
4	Em làm việc nhà giúp đỡ bố mẹ	2.53	0.58	1
5	Em chủ động giải thích, hòa giải với bố mẹ, thầy cô khi có bất đồng hoặc mâu thuẫn	2.14	0.69	4
6	Em không để ý đến những bạn hay làm trò cười ở trong lớp	1.95	0.68	10
7	Em bình tĩnh khi giải quyết mâu thuẫn với cha mẹ	2.12	0.64	5
8	Khi bị người lớn phạt, em chấp nhận mà không nổi cáu	2.08	0.66	6
9	Em giữ được bình tĩnh khi bạn bè nổi cáu với mình	2.07	0.63	7
10	Em không tỏ ra giận dữ khi bị bố mẹ trách mắng	2.16	0.68	3

① - Chưa bao giờ, ② - Đôi khi, ③ - Thường xuyên

## 3.3. Sự khác biệt về kĩ năng xã hội theo phân loại khách thể nghiên cứu

### 3.3.1. So sánh kĩ năng xã hội của học sinh theo

**giới tính**

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự khác biệt của kỹ năng xã hội theo giới tính của học sinh. Nhìn chung, học sinh nam ( $\bar{X} = 2.25$ ) có kỹ năng xã hội tốt hơn học sinh nữ ( $\bar{X} = 2.22$ ), tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa về mặt thống kê ( $p=0.3$ ). Đi sâu vào từng kỹ năng, có thể thấy rằng kỹ năng hợp tác của học sinh nữ tốt hơn học sinh nam ( $\bar{X} = 2.37$ ,  $SD = 0.27$  so với  $\bar{X} = 2.37$ ,  $SD = 0.29$ ). Kỹ năng tự khẳng định với ( $\bar{X} = 2.21$  so với  $\bar{X} = 2.13$ ) thì cho thấy học sinh nam có mức độ kỹ năng này tốt hơn học sinh nữ và sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê ( $p=0.037$ ). Bên cạnh đó, học sinh nam cũng có mức độ kỹ năng tự chủ tốt hơn học sinh nữ ( $\bar{X} = 2.17$  so với  $\bar{X} = 2.13$ ). Ngược lại, các em học sinh nữ lại có mức độ kỹ năng đồng cảm tốt hơn học sinh nam ( $\bar{X} = 2.25$  so với  $\bar{X} = 2.24$ ).

**Bảng 7.** So sánh mức độ kỹ năng xã hội của học sinh trung học cơ sở theo giới tính ( $N= 280$ )

Kỹ năng	Nam (N=122)			Nữ (N=158)			P
	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc	
Kỹ năng hợp tác	2.37	0.29	2	2.37	0.27	1	0.992
Kỹ năng tự khẳng định	2.21	0.31	1	2.13	0.30	2	0.037
Kỹ năng đồng cảm	2.24	0.31	2	2.25	0.27	1	0.936
Kỹ năng tự chủ	2.17	0.29	1	2.13	0.28	2	0.187
Kỹ năng xã hội	2.25	0.25	1	2.22	0.23	2	0.300

**3.3.2. So sánh kỹ năng xã hội của học sinh THCS theo học lực**

Theo kết quả bảng 8 cho thấy, có sự khác biệt về các kỹ năng thành phần của kỹ năng xã hội theo học lực của học sinh THCS và sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê. Kỹ năng xã hội và tất cả các kỹ năng thành phần (kỹ năng hợp tác, kỹ năng tự khẳng định, kỹ năng đồng cảm, kỹ năng tự chủ) ở các em học sinh có học lực khá - giỏi đều có mức độ cao hơn các em có học lực yếu - trung bình.

**Bảng 8.** So sánh mức độ kỹ năng xã hội của học sinh Trung học cơ sở theo học lực ( $N= 280$ )

Kỹ năng	Học lực	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc	P
Kỹ năng hợp tác	Yếu - Trung bình	86	2.30	0.28	2	0.010
	Khá -Giỏi	194	2.41	0.28	1	
Kỹ năng tự khẳng định	Yếu - Trung bình	86	2.07	0.35	2	0.000
	Khá -Giỏi	194	2.21	0.28	1	
Kỹ năng đồng cảm	Yếu - Trung bình	86	2.18	0.30	2	0.080
	Khá -Giỏi	194	2.27	0.28	1	
Kỹ năng tự chủ	Yếu - Trung bình	86	2.10	0.28	2	0.043
	Khá -Giỏi	194	2.17	0.29	1	
Kỹ năng xã hội	Yếu - Trung bình	86	2.16	0.26	2	0.001
	Khá -Giỏi	194	2.26	0.22	1	

**3.4. Nguyên nhân của thực trạng mức độ kỹ năng xã hội ở học sinh trung học cơ sở****3.4.1. Nguyên nhân chủ quan**

Yếu tố chủ quan là yếu tố xuất phát từ chính học sinh như: sức khỏe, khả năng nhận thức, giới tính, sự tích cực hoạt động của cá nhân...

Qua quan sát bảng số liệu, có thể thấy khả năng nhận thức được các em học sinh đánh giá là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến KNXH của học sinh THCS ( $\bar{X} = 2.35$ ).

Yếu tố hoạt động cá nhân “tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể, xã hội” cũng là một yếu tố mà học sinh đánh giá là có ảnh hưởng nhiều đến KNXH của học sinh THCS ( $\bar{X} = 2.30$ ). Các em cho rằng, những bạn học sinh tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội, giao tiếp rộng rãi với mọi người thì có kỹ năng xã hội tốt hơn. Ngược lại, những bạn ít tham gia vào các hoạt động tập thể, ít giao tiếp với người khác thì có kỹ năng xã hội không tốt bằng những bạn khác.

**Bảng 9.** Các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến kỹ năng xã hội của học sinh trung học cơ sở ( $N= 280$ )

TT	Biểu hiện	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Học sinh có sức khỏe tốt	2.13	0.83	3
2	Học sinh có khả năng nhận thức tốt	2.35	0.81	1
3	Giới tính của học sinh	1.65	0.71	4
4	Học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể, xã hội	2.30	0.81	2
5	Tổng	2.10	0.56	

① - Không ảnh hưởng, ② - Ảnh hưởng ít, ③ - Ảnh hưởng nhiều

Bên cạnh đó yếu tố giới tính không được đánh giá cao bằng những yếu tố còn lại ( $\bar{X}=1,65$ ), tuy nhiên đây là yếu tố góp phần ảnh hưởng đến mức độ KNXH của học sinh THCS.

### 3.4.2. Nguyên nhân khách quan

Trong phần các yếu tố gia đình, đa số ý kiến của học sinh cho rằng cách cư xử, ứng xử của bố mẹ ( $\bar{X}=2,56$ ) đóng vai trò quan trọng nhất, có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành và phát triển KNXH của học sinh. Tương tự như vậy, trong phần yếu tố nhà trường các em cũng đánh giá cao vai trò của cách ứng xử của thầy cô ( $\bar{X}=2,46$ ). Như vậy có thể thấy, bố mẹ và thầy cô giáo chính là tấm gương để học sinh noi theo. Dù vô tình hay cố ý, những hành vi của những người có uy tín này là hình mẫu điển hình nhất để học sinh THCS học tập và làm theo.

Trong khi đó, việc Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động tập thể và khuyến khích học sinh tham gia ( $=2,30$ ) lại được các em đánh giá là không ảnh hưởng nhiều đến KNXH của học sinh THCS bằng các yếu tố khác. Có thể thấy, hiện nay việc nhà trường tổ chức nhiều hoạt động phong trào chưa thực sự có hiệu quả và thu hút để các em tự nguyện và hào hứng tham gia. Bên cạnh một số em học sinh năng nổ và tích cực tham gia các hoạt động phong trào thì đa số học sinh cảm thấy mệt mỏi và bị ép buộc.

**Bảng 10.** Các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kỹ năng xã hội của học sinh trung học cơ sở (N= 280)

TT	Yếu tố khách quan	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
<b>Yếu tố gia đình</b>				
1	Gia đình hạnh phúc, hòa thuận	2.37	0.84	3
2	Cách cư xử của bố mẹ	2.56	0.65	1
3	Bố mẹ quan tâm dạy bảo, hướng dẫn cho con các kỹ năng xã hội	2.47	0.79	2
<b>Yếu tố nhà trường</b>				
1	Nhà trường thường xuyên tổ chức học ngoại khóa để dạy và hướng dẫn cho học sinh các KNXH.	2.37	0.78	2
2	Cách cư xử của thầy cô giáo	2.46	0.65	1
3	Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động tập thể và khuyến khích học sinh tham gia	2.30	0.80	3
	Tổng	2.42	0.57	

① - Không ảnh hưởng, ② - Ảnh hưởng ít, ③ - Ảnh hưởng nhiều

Như vậy các em học sinh đánh giá cao vai trò của các yếu tố khách quan ( $\bar{X}=2,42$ ) đến việc hình thành và phát triển KNXH của học sinh THCS trong khi lại đánh giá không cao vai trò của các yếu tố chủ quan ( $\bar{X}=2,10$ ). Các em cho rằng KNXH của học sinh THCS phụ thuộc vào việc dạy, hướng dẫn của nhà trường và gia đình, phụ thuộc vào hành vi, ứng xử của những người có uy tín thay vì cảm thấy việc rèn luyện KNXH là trách nhiệm của chính bản thân mỗi cá nhân các em.

## 4. Kết luận

Qua nghiên cứu thực trạng kỹ năng xã hội của học sinh trung học cơ sở sinh trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, đề tài rút ra một số kết luận sau:

KNXH của học sinh THCS ở mức độ trung bình và có sự khác nhau giữa các kỹ năng thành phần. Trong các kỹ năng mà đề tài tiến hành đánh giá thì học sinh THCS tốt nhất ở kỹ năng hợp tác, kỹ năng các em kém nhất là kỹ năng tự chủ.

Có sự khác nhau về KNXH theo học lực của học sinh. Học sinh có học lực khá - giỏi có mức độ KNXH cao hơn học sinh có học lực yếu - trung bình. Không có sự khác biệt quá nhiều giữa mức độ KNXH của học sinh nam và học sinh nữ.



Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến mức độ KNXH của học sinh THCS, những yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất là cách cư xử, ứng xử của bố mẹ và thầy cô giáo.

Dựa vào kết quả nghiên cứu được, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nâng cao KNXH cho học sinh THCS như sau:

- Tăng cường các hoạt động ngoại khóa, các buổi giao lưu giữa các khối lớp, những hoạt động giáo dục mang tính tập thể để học sinh có điều kiện va chạm và rèn luyện các kỹ năng cần thiết cũng như rèn luyện cách ứng xử trong các tình huống thật.

- Lồng ghép, rèn luyện các kỹ năng xã hội trong các hoạt động dạy học trên lớp, đặc biệt nên có sự đổi mới trong phương pháp dạy học, sử dụng nhiều các phương pháp có thể kích thích tính chủ động, tích cực và hợp tác giữa các học sinh với nhau.

- Xây dựng môi trường gia đình tích cực, quan tâm quan tâm đến trẻ, sẵn sàng lắng nghe và chia sẻ với con về các hoạt động ở trường cũng như các mối quan hệ bạn bè của con. Khuyến khích con tự lập trong các hoạt động hằng ngày có sự giám sát của người lớn. Tạo điều kiện để các em thể hiện các kỹ năng xã hội, với những

hành vi chưa phù hợp cha mẹ uốn nắn kịp thời, với những hành vi tốt bố mẹ cần khen ngợi, động viên con.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Dũng (chủ biên) (2012). *Từ điển thuật ngữ Tâm lý học*. NXB Từ điển Bách Khoa.
- [2] Nguyễn Công Khanh (2005). Xúc cảm, tình cảm và các kỹ năng xã hội ở học sinh THPT. *Tạp chí Tâm lý học*, 6.
- [3] Frank M. Gresham, Stephen N. Elliot (1990). *Social Skills Rating System (Manual)*. American Guidance Service. InC.
- [4] John W. Maag (1991). Social Skills Training in Schools. *Special Services in the Schools*, 6, 1-19.
- [5] Ronald E. Riggio (1986). Assessment of Basic Social Skills. *Journal of Personality Psychology*, September 1986.
- [6] Trung tâm nghiên cứu tâm lý học - sinh lý học lứa tuổi (2006), *Cơ sở tâm- sinh lý cơ bản của học sinh phổ thông (Sách chuyên khảo)*. NXB Giáo dục.
- [7] Viện Khoa học giáo dục (2006). Trình độ phát triển trí tuệ của học sinh, sinh viên, lao động trẻ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa- hiện đại hóa. *Báo cáo đề tài cấp nhà nước*, Mã số KX04-05.

## SOCIAL SKILLS OF SECONDARY SCHOOL STUDENTS IN DA NANG CITY

**Abstract:** Human is a social entity, a member of a community and a certain society. Therefore, social adaptation skills are important and necessary for each person/ every individual. In particular, there are strong physical and psychological changes in puberty, so secondary school students need to be trained in social skills. This study was conducted on 280 secondary school students in Da Nang city, using multiple choice questions (main method) to assess the status of social skills and the factors affecting those skills. The results show that social skills of secondary school students are ranked on the average, focusing on the following four basic skills: Cooperation, assertion, empathy and self-control. We proposes measures to improve social skills for secondary school students in the direction of focusing on training component skills in the study program, and needing active coordination of the family at the same time.

**Key words:** skill; social skill; secondary school student.